

Số: /GPMT-BQL

Bình Dương, ngày tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 08/CVCG-MT đến ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Caisa Global về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy Công ty TNHH Caisa Global”;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Caisa Global, địa chỉ trụ sở chính tại lô B-6C2-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường Chánh Phú Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy Công ty TNHH Caisa Global” tại địa chỉ lô B-6C2-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường Chánh Phú Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: “Nhà máy Công ty TNHH Caisa Global”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B-6C2-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường Chánh Phú Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 4 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 6 năm 2024 (mã số dự án: 9971167739).

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 5 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 5 năm 2024 (mã số doanh nghiệp: 3702659247).

1.5. Mã số thuế: 3702659247.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất, gia công sản xuất hộp đựng bằng giấy (hộp đựng trái cây, rau, thực phẩm, dược phẩm, thiết bị điện tử, máy móc); Mã ngành theo VSIC: 1702.

- In, in gia công sản phẩm giấy (không in trên các sản phẩm dệt, may, đan in tráng bao bì kim loại); Mã ngành theo VSIC: 1811.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích mặt đất sử dụng: 18.177 m² tại lô B-6C2-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường Chánh Phú Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Quy mô các hạng công trình của dự án:

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Công trình chính:	6.206,20	34,14
1	Nhà xưởng	6.206,20	34,14
B	Công trình phụ trợ:	65,9	0,36
2	Trạm điện	10,1	0,055
3	Nhà bơm	30,3	0,17
4	Nhà quan sát	8,5	0,045
5	Nhà bảo vệ	17	0,09
C	Hạng mục công trình môi trường:	64,11	0,35
6	Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt	19,64	0,11
7	Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp số 01	19,11	0,105

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
8	Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp số 02 (bên trong nhà xưởng)	100	-
9	Kho chất thải nguy hại số 01	19,11	0,105
10	Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại số 02 (bên trong nhà xưởng)	16	-
11	Hệ thống xử lý nước thải	6,25	0,03
D	Cây xanh	3.635,4	20,0
E	Đường giao thông nội bộ, sân bãi	3.843	21,14
F	Đất dự phòng	4.362,39	24,00
Tổng cộng		18.177	100

- Công suất sản xuất:

+ Sản xuất, gia công sản xuất hộp đựng bằng giấy (hộp đựng trái cây, rau, thực phẩm, dược phẩm, thiết bị điện tử, máy móc): 150.000.000 sản phẩm/năm.

+ In, gia công in sản phẩm bằng giấy (không in trên các sản phẩm dệt, may, đan in tráng bao bì kim loại) 10.000 tấn/năm.

1.8. Quy trình sản xuất:

- Sản xuất, gia công sản xuất hộp đựng bằng giấy (hộp đựng trái cây, rau, thực phẩm, dược phẩm, thiết bị điện tử, máy móc): Vật liệu in (*giấy*) → Cắt → In (*in offset khoảng 40% và in flexo khoảng 60%*) → Cán màng (*Cán màng khoảng 40%*) → Bồi giấy (*Bồi khoảng 60% các sản phẩm*) → Bê giấy → Dán keo/đóng ghim (*dán keo khoảng 80% các sản phẩm và đóng ghim khoảng 20% các sản phẩm*) → đóng gói.

- In, gia công in sản phẩm bằng giấy (không in trên các sản phẩm dệt, may, đan in tráng bao bì kim loại): Bán thành phẩm cần in/ Vật liệu in (*giấy*) từ khách hàng → In ấn (*in offset khoảng 40% và khoảng in flexo 60%*) → Cắt nhỏ theo quy cách → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Caisa Global:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường:

- Được thực hiện các nội dung cấp phép môi trường quy định trong giấy phép môi trường;

- Đề nghị cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường;

- Quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết;

- Nộp phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường;

- Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật này;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

- Công khai giấy phép môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra;

- Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty TNHH Caisa Global có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày tháng 12 năm 2024 đến ngày tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Caisa Global;
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Bến Cát;
- Cổng Thông tin điện tử BQL các KCN Bình Dương (đăng tải công khai);
- TB, các PTB;
- Lưu: VT, MT (T).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trương Văn Phong

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Mỹ Phước 3, không xả thải ra môi trường).

Hợp đồng thuê đất số 07/05/2019/HĐTĐ ngày 29/05/2019 giữa Công ty TNHH Caisa Global và Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP.

Biên bản thỏa thuận kết nối hạ tầng kỹ thuật tại khu công nghiệp Mỹ Phước 3.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh nhà xưởng.
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh nhà bảo vệ.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình vệ sinh các thùng mực in, bản in của máy in flexo
- Nguồn số 04: Nước thải từ thiết bị cấp ẩm của máy in offset.
- Tổng lưu lượng nước thải từ sinh hoạt tối đa khoảng 5,25 m³/ngày.
- Tổng lưu lượng nước thải từ sản xuất tối đa khoảng 0,24 m³/ngày.
- Nước thải từ sinh hoạt (từ bồn cầu, âu tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại) được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 6 m³/ngày.đêm, sau đó tự chảy vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của khu công nghiệp Mỹ Phước 3 tại 01 điểm trên đường NE5. Vị trí hố ga đầu nối: X = 1231309; Y = 598754 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

- Nước thải từ sản xuất hợp đồng chuyển giao xử lý chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 02 bể tự hoại 3 ngăn (tổng dung tích 12 m³).

- Hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải → Bể điều hòa → Cụm bể MBR (Ngăn Aerotank → Ngăn MBR) → Hồ giám sát → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Mỹ Phước 3 tại 01 điểm đầu nối nằm trên đường NE5.

+ Công suất thiết kế: 6 m³/ngày.đêm.

+ Số lượng: 1 hệ thống

+ Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày, tự động.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, chất dinh dưỡng,...

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng nhằm thay thế ngay khi các thiết bị này hư hỏng, không làm gián đoạn quá trình xử lý. Bể điều hòa thiết kế thời gian lưu dài để đảm bảo thay thế thiết bị khi xảy ra sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động các máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải, kịp thời nhận thấy những hoạt động bất thường của thiết bị, sửa chữa những hư hỏng kịp thời.

- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Hút hầm bể tự hoại định kỳ, tránh tắc nghẽn, đảm bảo khả năng lưu chứa và xử lý

- Khi phát hiện đường ống dẫn, thành bể bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời để nước thải không bị tràn ra bên ngoài.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

01 Hệ thống xử lý nước thải, công suất 6 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: tại bể điều hòa.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: tại hồ giám sát.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng, Coliform

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn tiếp nhận, đầu nối của khu công nghiệp Mỹ Phước 3.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư khu công nghiệp và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.7. Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các văn bản khác có liên quan theo quy định.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ 02 máy cắt giấy.
 - Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ 02 máy in offset (*).
 - Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ 03 máy in flexo (*).
- (*): nguồn khí thải không thuộc đối tượng cấp phép.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

Bụi phát sinh từ 02 máy cắt giấy được thu gom bằng ống hút ngay tại máy cắt, qua quạt hút công suất 2.500 m³/giờ về 01 thiết bị lọc bụi túi vải đặt ngay khu vực máy cắt. Khí thải được phát tán tự nhiên qua thành túi vải, không có dòng thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi từ 02 máy cắt giấy được thu gom xử lý bằng 01 thiết bị xử lý túi vải cục bộ, khí thải sau xử lý phát tán qua bề mặt túi vải không có dòng thải.

- Nguồn số 02, 03: Máy in sử dụng mực in gốc nước và gốc dầu thực vật, cho thoát tự nhiên trong nhà xưởng, áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng, không có công trình xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình: Bụi từ máy cắt giấy → Ống hút D120 → Quạt hút 2.500 m³/giờ → Thiết bị lọc bụi cục bộ → Khí thải phát tán qua bề mặt túi vải, không có dòng thải.

- Kích thước của thiết bị lọc bụi: 7000 x 1.200 x 2.700 (mm).
- Chế độ vận hành: liên tục.
- Công suất thiết kế: 2.500 m³/giờ.
- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vật liệu sử dụng: Túi lọc vải.
- + Chất liệu vải: P120/m² độ dày 0,8mm.
- + Kích thước túi vải: D600mm.
- + Số lượng: 1 túi/1 hệ thống.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt .

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý.

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy in Offset 1
- Nguồn số 02: Máy in Offset 2
- Nguồn số 03: Máy in Flexo 1
- Nguồn số 04: Máy in Flexo 2
- Nguồn số 05: Máy in Flexo 3
- Nguồn số 06: Máy nén khí 1
- Nguồn số 07: Máy nén khí 2
- Nguồn số 08: Máy nén khí 3
- Nguồn số 09: Máy nén khí 4
- Nguồn số 10: Hệ thống xử lý bụi túi vải cục bộ tại máy cắt.
- Nguồn số 11: Máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ: X (m) = 1231185; Y (m) = 598845
- Nguồn số 02: tọa độ: X (m) = 1231185; Y (m) = 598843
- Nguồn số 03: tọa độ: X (m) = 1231185; Y (m) = 598840
- Nguồn số 04: tọa độ: X (m) = 1231185; Y (m) = 598837
- Nguồn số 05: tọa độ: X (m) = 1231185; Y (m) = 598833
- Nguồn số 06: tọa độ: X (m) = 1231180; Y (m) = 598813
- Nguồn số 07: tọa độ: X (m) = 1231180; Y (m) = 598831
- Nguồn số 08: tọa độ: X (m) = 1231186; Y (m) = 598850
- Nguồn số 09: tọa độ: X (m) = 1231206; Y (m) = 598850
- Nguồn số 10: tọa độ: X (m) = 1231213; Y (m) = 598848
- Nguồn số 11: tọa độ: X (m) = 1231200; Y (m) = 598755

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất;
- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành; Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn;
- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết;
- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân:
 - + Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo vệ các nhân nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn;
 - + Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;
 - + Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

+ Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Mực in thải	08 02 01	Lỏng	700
2	Thùng mực in thải	08 02 04	Rắn	5.600
3	Keo thải	08 03 01	Lỏng	3.000
4	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	Rắn	50
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	Lỏng	100
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn (thùng đựng dầu, nhớt,...)	18 01 02	Rắn	30.000
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	200
8	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	4.440
9	Nước thải chứa thành phần nguy hại	19 10 01	Lỏng	41.700
Tổng cộng				85.790

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng chất thải (tấn/năm)
1	Giấy vụn	19 03 03	Rắn	1.072,4
2	Bụi giấy	19 03 03	Rắn	1,3
3	Cuộn màng PP thải	19 03 03	Rắn	6,1
4	Ghim thải	19 03 03	Rắn	0,8
5	Bao bì, phụ kiện thải	18 01 05	Rắn	0,30
6	Túi vải	19 03 03	Rắn	0,01

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng chất thải (tấn/năm)
7	Bản in kẽm thải	19 03 03	Rắn	0,50
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Rắn	0,09
Tổng cộng				1.081,4

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	19

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, có dán nhãn ghi tên phân loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại số 01 (hiện hữu):

+ Vị trí: Bên ngoài nhà xưởng, phía Tây Nam của dự án.

+ Diện tích: 19,11 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong kho, có mái che, có cửa khóa và biển báo ghi rõ Kho vực lưu chứa CTNH và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại CTNH đang lưu trữ.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại số 02 (bố trí mới):

+ Vị trí: Bên trong nhà xưởng, bên cạnh khu chất thải công nghiệp thông thường và văn phòng.

+ Diện tích: 16 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong kho, có cửa khóa và biển báo ghi rõ Khu vực lưu chứa CTNH và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại CTNH đang lưu trữ.

- Khu vực lưu giữ có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, có vật liệu hấp thụ (cát khô, giẻ lau) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, tràn đổ, rơi vãi chất thải nguy

hại ở thể lỏng. Trong nhà chứa có lắp đặt biển dấu hiệu cảnh báo phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các bao PP để chứa các loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp số 01 (hiện hữu):

+ Vị trí: Bên ngoài nhà xưởng, phía Tây Nam của dự án, bên cạnh kho chất thải nguy hại số 01.

+ Diện tích: 19,11 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: tường xây gạch, có mái che, nền bê tông, được dán nhãn Khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường.

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp số 02 (bố trí mới)

+ Vị trí: Bên trong nhà xưởng, bên cạnh văn phòng.

+ Diện tích: 100 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông bên trong khu vực nhà xưởng, dán bảng tên Khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng rác chuyên dụng thu gom chất thải sinh hoạt trong khuôn viên dự án.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Thu gom: Bố trí 03 thùng rác loại 60 lít được dán nhãn theo đúng quy định để chứa 03 loại chất thải (chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải thực phẩm, chất hữu cơ dễ phân hủy; chất thải sinh hoạt khác) và đặt khu vực xưởng và văn phòng. Chất thải sinh hoạt này sẽ tập trung tại khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt:

+ Vị trí: Bên ngoài nhà xưởng, phía Tây Nam của dự án, bên cạnh Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp số 01.

+ Diện tích: 19,64 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông, mái che bằng tole, dán bảng tên Khu vực chứa chất thải sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các

thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện của dự án đầu tư.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án đầu tư.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp Giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.